

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ ĐẮK NÔNG

MCK: DPD

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 _ DPD

Số 02 /BC-HĐQTCSDP.Đ ngày 03/3/2022

Địa chỉ: Cụm 3 Tầng, xã Eapô, huyện CưJút, tỉnh Đắk Nông

Tháng 3 năm 2022



MỤC LỤC

	Trang
I. Thông tin chung:	(1-7)
II. Tình hình hoạt động trong năm	(8-11)
III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	(12-13)
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	(13-14)
V. Quản trị Công ty	(14-17)
VI. Phát triển bền vững	(17-18)
VII. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021	phần còn lại

Hết

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch	:	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮKNÔNG
Tên tiếng anh	:	DONGPHU DAKNONG RUBBER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	DORUCO-D
Logo		
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh & đăng ký thuế	:	6400052980 Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/11/2017
Vốn điều lệ	:	120.000.000.000 VNĐ
Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2021	:	130.427.875.773 VNĐ
Địa chỉ	:	Cụm 3 Tầng, xã EaPô, huyện CưJút, tỉnh ĐắkNông
Điện thoại	:	
Fax	:	
Website	:	www.doruco-d.com.vn
Mã cổ phiếu	:	DPD

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Đắk Nông là công ty con của Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Công ty đã đi vào hoạt động từ năm 2008 tới nay theo Giấy Chứng nhận ĐKKD số 6400052980 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông cấp đăng ký lần đầu ngày 24/07/2008, cấp thay đổi lần thứ 2, ngày 01/11/2017, vốn điều lệ của Công ty đăng ký từ khi thành lập cho đến hiện nay là không thay đổi, với mức vốn là 120.000.000.000 đồng.

Dự án trồng cao su của Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú - Đắk Nông được đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0840628765 chứng nhận lần đầu ngày 19/09/2011 chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 14/11/2017 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp. Quy mô dự án thực hiện trên diện tích 1.253,48 ha. Hiện nay Công ty đang dần hoàn thiện quá trình kiến thiết cơ bản vườn cây cao su để chuyển sang giai đoạn kinh doanh, tổng diện tích vườn cây mở cạo đến ngày 31/12/2018 là: 931,34 ha chiếm 99,64% diện tích trồng cao su.

Ngày 29/12/2020, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chấp thuận đăng ký lưu ký tập trung, với số lượng cổ phiếu đăng ký là 12.000.000 cổ phiếu.

Ngày 20/1/2021, Công ty niêm yết sàn Upcom lần đầu với giá cổ phiếu là 9.700 đồng/cổ phiếu.

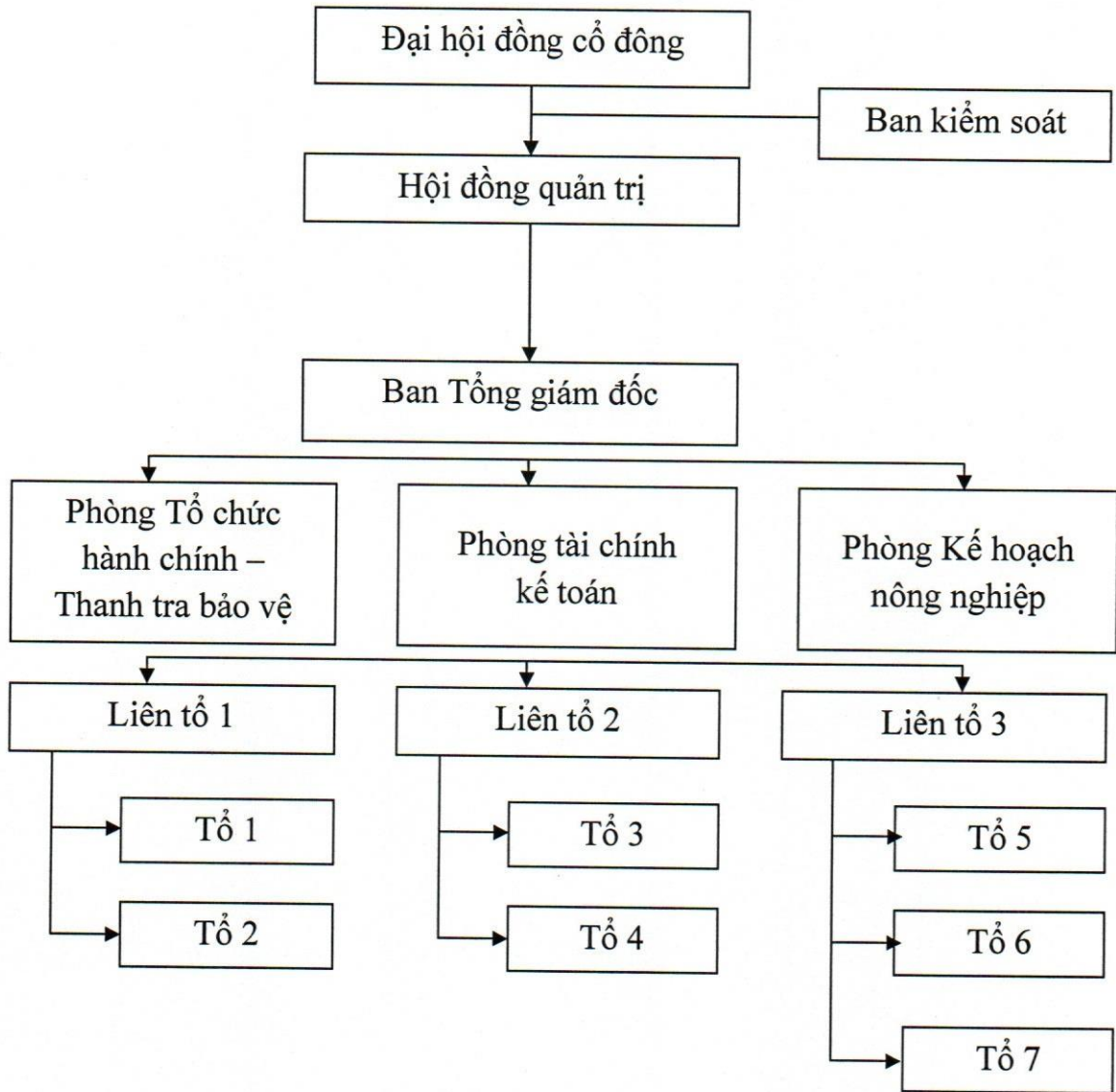
Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 120.000.000.000 đồng.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Trồng cây cao su; nhân và chăm sóc cây nông nghiệp; chăn nuôi trâu bò; trồng rừng và chăm sóc rừng; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; bán buôn phân bón; bán buôn mủ cao su; mua, bán gỗ cây và gỗ chế biến; bán buôn vật tư nông nghiệp; chế biến mủ cao su; mua bán gỗ từ cây cao su.

3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Đắc Nông chịu sự quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Bộ máy tổ chức được thể hiện qua mô hình tổ chức và hoạt động được thể hiện như sau:



Đại hội đồng cổ đông

Hoạt động với tư cách là hội đồng chủ sở hữu của công ty; Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và quy định khác của pháp luật hiện hành;

Đề nghị và bầu ra Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và điều hành công ty thông qua hình thức Đại hội đồng cổ đông;

Quyết định các vấn đề khác thuộc về chủ sở hữu doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

Hoạt động kinh doanh và các công việc của công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị;

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, quy định, nội quy của công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Ban kiểm soát viên

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm bằng thể thức bỏ phiếu kín trực tiếp;

Ban kiểm soát hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty quy định; Ban kiểm soát chịu trách nhiệm về hoạt động của ban trước Đại hội đồng cổ đông;

Tuân thủ đúng pháp luật và Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

Ban kiểm soát phải hoạt động trên nguyên tắc trung thực, cẩn trọng, bảo mật và trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông;

Có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông các sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác kịp thời.

Tổng Giám đốc

Có trách nhiệm thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và đại hội cổ đông, thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội cổ đông thông qua;

Có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, không cần có quyết định của HĐQT;

Điều hành Công ty theo chỉ tiêu, kế hoạch được giao;

Tham mưu và trình chủ sở hữu các nội dung thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu;

Thực hiện nhiệm vụ, chức năng được nêu trong điều lệ công ty.

Phòng Tổ chức hành chính – Thanh tra bảo vệ

Chức năng:

Tham mưu cho HĐQT và TGD trong các lĩnh vực: Công tác tổ chức cán bộ; công tác lao động, tiền lương, kỹ thuật an toàn và BHLĐ, BHYT, chế độ chính sách đối với người lao động; công tác quản trị hành chính, văn phòng, quản lý trụ sở cơ quan Công ty; công tác huấn luyện đào tạo; công tác y tế;

Tham mưu giúp việc cho HĐQT và TGD trong các lĩnh vực: Công tác thanh tra, bảo vệ toàn Công ty; công tác quân sự động viên; công tác phối kết hợp bảo vệ an ninh, chính trị, kinh tế, trật tự XH trên địa bàn;

Nhiệm vụ:

Căn cứ vào ý tưởng của HĐQT, căn cứ vào thực tế Công ty đề xuất xây dựng các mô hình tổ chức sản xuất;

Theo dõi tổng hợp, đề xuất HĐQT và TGD đề bạt, chuyển chuyên, bồi dưỡng đào tạo, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật cán bộ công nhân toàn Công ty;

Thực hiện báo cáo định kỳ về công tác tổ chức, cán bộ lao động tiền lương cho HĐQT và TGD theo quy định;

Căn cứ vào kế hoạch SX để xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương, kế hoạch BHLĐ& An toàn vệ sinh lao động, BHXH, BHYT trong toàn Công ty;

Tổ chức khám chữa bệnh định kỳ và thường xuyên theo Bộ Luật LĐ cho CBCN-LĐ, tổ chức quản lý công BHXH, công ốm đau, thai sản v.v... để hỗ trợ cho công tác quản lý lao động của công ty;

Thực hiện các chế độ chính sách cho CB-CNV theo quy định;

Quản lý tài sản hành chính, bảo vệ trụ sở cơ quan, duy trì và thực hiện nếp sống văn minh nơi công sở;

Quản lý, phân phối, ban hành, lưu trữ công văn toàn Công ty;

Tiếp và phục vụ ăn ở cho khách đến quan hệ công tác;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình an ninh trật tự địa bàn để xây dựng kế hoạch bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, tài sản trong toàn Công ty;

Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất lĩnh vực SXKD, việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động nhằm phục vụ cho công tác quản lý điều hành của TGD hoàn thành nhiệm vụ của HĐQT giao;

Tổ chức xây dựng, mở các lớp huấn luyện lực lượng bảo vệ và tự vệ trong toàn Công ty;

Thực hiện chính sách quân sự động viên theo pháp luật;

Xây dựng và thực hiện các phương án PCCC bao gồm phòng chống cháy vườn cây, kho tàng, khu cơ quan, phòng chống cháy rừng. Tổ chức tuyên truyền, huấn luyện, kiểm tra các đơn vị, các bộ phận chuyên môn, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản CBCNV và tài sản Công ty;

Xây dựng mối quan hệ tốt với địa phương, xây dựng phương án phối kết hợp nhằm đảm bảo an ninh chính trị và trật tự ATXH trên địa bàn;

Lập và triển khai kế hoạch bảo vệ khu cơ quan.

Phòng Kế toán tài chính

Chức năng:

Tham mưu cho HĐQT và TGD trong các lĩnh vực: Quản lý tài chính, kế toán, thanh toán, hạch toán theo quy định của pháp luật; Chỉ đạo công tác kế toán, thanh toán, thanh toán lương cho các đơn vị; Quản lý nguồn vốn và đầu tư; Quản lý cổ phần, cổ phiếu, cổ đông;

Yêu cầu và hướng dẫn các đơn vị, các phòng cung cấp các số liệu, tài liệu cần thiết cho công tác quản lý, hạch toán;

Đình chỉ yêu cầu về vốn đối với hợp đồng kinh tế trái với điều lệ Công ty và pháp luật Nhà nước, các khối lượng công việc không có trong kế hoạch của HĐQT và TGD;

Có quyền kiểm tra đột xuất việc chấp hành chế độ quản lý tài chính của các đơn vị, cá nhân theo yêu cầu của HĐQT và TGD;

Tham gia hội đồng nghiệm thu, kiểm tra đánh giá công trình, công việc. Tham gia hội đồng kỷ luật đối với những vụ việc vi phạm quản lý kinh tế, tham gia hội đồng thanh lý tài sản;

Đề nghị HĐQT và TGD khen thưởng, kỷ luật, chuyển công tác đối với cán bộ nhân viên có thành tích hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong phạm vi phụ trách.

Nhiệm vụ:

Tổ chức thống nhất chế độ hạch toán, kế toán trong toàn công ty, đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng chế độ và Pháp luật;

Căn cứ kế hoạch SXKD xây dựng kế hoạch thu chi hàng tháng, hàng quý, hàng năm, đảm bảo yêu cầu vốn cho SXKD và đời sống CB-CNV;

Chịu trách nhiệm trước HĐQT và TGD về việc kiểm tra, xét duyệt các nguồn vốn, nguồn tiền thu chi tài chính trong đơn vị;

Thống nhất biểu mẫu thống kê, kế toán, báo cáo tài chính toàn Công ty;

Chấp hành chế độ báo cáo kiểm tra, kiểm kê thường kỳ, đột xuất của HĐQT, BKS, TGD và các cơ quan cấp trên liên quan;

Cung cấp số liệu, tài liệu cần thiết có liên quan cho các phòng liên quan nhằm quản lý và cải tiến công tác quản lý của công ty ngày càng tốt hơn.

Phòng Kế hoạch – Nông nghiệp

Chức năng:

Tham mưu và giúp việc cho HĐQT và TGD trong các lĩnh vực: Công tác kế hoạch và đầu tư; công tác xây dựng cơ bản; công tác cơ khí, cung ứng vật tư, nguyên liệu, thiết bị và công nghệ; tổng hợp công tác khoán và thống kê toàn công ty;

Tham mưu cho HĐQT và TGD trong các lĩnh vực: Quy hoạch và sử dụng đất đai; Sản xuất Nông nghiệp: khai hoang trồng mới, khai thác mủ cao su và các lĩnh vực SX nông nghiệp khác; Chế biến mủ, quản lý chất lượng, môi trường; nghiên cứu và vận dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật và sản xuất Nông nghiệp; đào tạo công nhân kỹ thuật Nông nghiệp.

Nhiệm vụ:

Chủ trì xây dựng và tổng hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn và dài hạn theo yêu cầu của HĐQT và TGD;

Tính toán hiệu quả các dự án đầu tư trình HĐQT và TGD quyết định;

Lập trình tự và thủ tục quản lý công tác XDCB, các dự án đầu tư theo đúng pháp luật và các yêu cầu của HĐQT;

Chủ trì và phối hợp với các phòng tính toán các phương án khoán trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh;

Phối hợp với các phòng kiểm tra, đánh giá tiến độ sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty;

Cung ứng vật tư thiết bị, thường xuyên kiểm tra việc lập và thực hiện kế hoạch, phát hiện kịp thời những mất cân đối trong thực hiện kế hoạch để lập cân đối mới;

Lập kế hoạch tác nghiệp, trình HĐQT và TGD nhằm hoàn thành các chỉ tiêu đề ra;

Quản lý, quy hoạch diện tích đất toàn Công ty trên cơ sở diện tích, ranh giới được giao, phối hợp với các phòng chức năng khác phân định quản lý ranh giới, chống lấn chiếm đất đai;

Xây dựng kế hoạch sản xuất Nông nghiệp, đồng thời xây dựng các phương án nhằm hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đã xây dựng;

Chủ trì xây dựng, hướng dẫn chỉ đạo, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện quy trình kỹ thuật về khai hoang, trồng mới, chăm sóc, khai thác mủ cao su theo quy định của Công ty;

Tham gia xây dựng các định mức KTKT, các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn của Công ty;

Cùng với các phòng thực hiện việc kiểm tra đánh giá tiến độ sản xuất, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;

Vận dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất, cùng với phòng khác điều phối, sử dụng các nguồn lực, nhằm phát huy tốt nhất tiềm năng của Công ty.

Liên tổ sản xuất

Đại diện cho liên tổ là đốc công, đốc công do TGD đề nghị và HĐQT bổ nhiệm. Mỗi liên tổ gồm 5-6 tổ sản xuất, được bố trí theo một khu vực địa lý nhất định gắn liền với vườn cây, lao động và dân cư tương ứng;

Đốc công chịu trách nhiệm trước nông trường và công ty về việc thực hiện kế hoạch sản xuất, thực hiện các chủ trương của Nông trường và Công ty, phối hợp với thôn ấp để giữ gìn an ninh địa bàn sản xuất;

Cùng với tổ trưởng nhận và triển khai kế hoạch sản xuất;

Điều hành lao động để thực hiện kế hoạch;

Tiếp thu hướng dẫn việc thực hiện quy trình kỹ thuật;

Tham gia quản lý thực hiện chế độ chính sách cho người lao động;

Đôn đốc các tổ hoàn thành công việc, tổng hợp số liệu, tham gia nghiệm thu khối lượng công việc.

Đôn đốc và kiểm tra công tác chăm công, các chứng từ, báo cáo phục vụ việc thanh toán lương;

Tổ chức duy trì việc thực hiện nội quy lao động, duy trì mối quan hệ tốt nội bộ CB-CNV đơn vị;

Yêu cầu được công khai các chế độ liên quan đến đời sống người lao động;

Đề nghị khen thưởng, kỷ luật tổ trưởng, công nhân trong liên tổ quản lý.

Tổ sản xuất

Là đơn vị tổ chức cơ sở thấp nhất của công ty. Tùy theo giai đoạn phát triển công ty mà tổ trưởng được TGD công ty hoặc Giám đốc Nông trường bổ nhiệm. Tổ sản xuất được biên chế từ 35 – 40 lao động;

Tổ trưởng tổ sản xuất là người quản lý trực tiếp người LĐ. Có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định cụ thể trong quy chế nội bộ công ty.

4. Định hướng phát triển:

Khẳng định vị thế của Công ty tại thị trường cao su trong nước cũng như nước ngoài, coi trọng hiệu quả kinh tế đảm bảo lợi ích của các cổ đông và người lao động.

Bảo đảm phát triển bền vững thông qua chính sách đầu tư có trọng điểm vào ngành kinh doanh chính, củng cố hệ thống dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng, đa dạng hoá sản phẩm tạo ra lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Linh hoạt trong bố trí và sử dụng nguồn lực sao cho chủ động trong từng giai đoạn phù hợp với dự báo thị trường.

Phát huy tối đa nội lực, lấy phát triển nguồn nhân lực làm trọng tâm, kiện toàn bộ máy tổ chức, xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa không những giỏi về chuyên môn mà còn năng động, nhiệt huyết để cùng với Công ty tạo ra những bước đột phá mới trong tương lai.

Cân đối hài hoà lợi ích của các cổ đông, doanh nghiệp và người lao động. Xây dựng văn hoá công ty, tạo môi trường làm việc văn minh, đảm bảo ổn định đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động.

5. Quản lý rủi ro:

Rủi ro tỷ giá

Công ty là doanh nghiệp có sản lượng xuất khẩu cao su đến các thị trường nước ngoài khá cao, cho nên việc phụ thuộc vào tỷ giá là điều không tránh khỏi. Tỷ giá biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, các khoản nợ vay sẽ là mối quan tâm khi tỷ giá tăng thêm gánh nặng tín dụng cho Công ty, do đó Công ty phải theo sát diễn biến tỷ giá hối đoái, động thái điều chỉnh chính sách của Nhà nước... để có những động thái ứng phó phù hợp.

Rủi ro thị trường tiêu thụ

Việt Nam trở thành một trong những quốc gia hàng đầu trong xuất khẩu cao su thiên nhiên là một thế mạnh hỗ trợ cho Công ty. Trong năm 2021, chịu nhiều tác động của đại dịch Covid-19 tuy nhiên Công ty cũng đã phấn đấu tiêu thụ lượng cao su sản xuất đạt kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, yêu cầu ngày một cao của khách hàng đặc biệt là những thị trường như Châu Âu, Nhật Bản,.. cũng đặt ra những thách thức

không nhỏ, yêu cầu các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty nói riêng cần cải thiện, đầu tư hơn nữa.

Rủi ro về giá

Trong năm 2021, giá tiêu thụ cao su ở mức trung bình do biến động kinh tế, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 dẫn đến lượng cung vượt cầu, mang lại nhiều thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Rủi ro lãi vay

Công ty dùng các khoản vay ngân hàng để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc lựa chọn thời điểm và kỳ hạn vay phù hợp thông qua sự đánh giá phân tích tình hình thị trường để đưa ra quyết định vay nhằm có được lãi suất có lợi nhất vừa đảm bảo kế hoạch của Công ty.

Rủi ro về chính sách, pháp luật

Với sự hoạt động theo mô hình và ngành nghề kinh doanh như hiện nay, Công ty chịu sự chi phối bởi các văn bản hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế xuất nhập khẩu và các Luật liên quan khác. Do đó, việc thay đổi các chính sách, các văn bản luật và dưới luật sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (so với kế hoạch và năm liền kề).

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So với KH (%)	So với 2020 (%)
Diện tích khai thác	ha	931,34	934,7	934,7	100	100,36
Sản lượng khai thác	tấn	1.253	1.250	1314,8	105,2	104,9
Năng suất bình quân	tấn/ha	1,35	1,34	1,58	117,91	117,04
Giá bán bình quân	trở/tấn	30,6	34,5	37,85	109,71	123,69
Tổng doanh thu	trở	42.117,94	68.554	66.850	97,51	158,72
Tổng tài sản	trở	162.285,1		152.786,7		94,15
Vốn chủ sở hữu	trở	118.815,2		130.427,8		109,77
Lợi nhuận trước thuế	trở	1.575,5	6.871,5	13.000,3	189,19	825,15
Lợi nhuận sau thuế	trở	1.575,5		11.808,4		749,5
Thu nhập bình quân/tháng	trở	6,8		8,022		
Tỷ suất LNST/Tổng Doanh thu	%	3,74		17,66		
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	0,97		7,73		
Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE)	%	1,33		9,05		
Tỷ lệ chi trả cổ tức/mệnh giá	%					

Năm 2021, gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng Công ty vẫn hoàn thành đạt và vượt mức kế hoạch ĐHCĐ năm 2021 đề ra: Tổng lợi nhuận trước thuế 13.000,3trở/6.871,5trở (đạt 189,19%KH).

2. Tổ chức nhân sự:

Ban điều hành

1. Ông Lê Minh Vũ – Tổng Giám đốc
Xem danh sách thành viên HĐQT
2. Ông Nguyễn Hữu Việt – Kế toán trưởng
Năm sinh: 1986
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
Số lượng cổ phần sở hữu: 1.695 cổ phần

Những thay đổi trong ban điều hành năm 2021: không có

Cơ cấu lao động tại Công ty

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	251	100
1	Trình độ trên đại học	02	0,8
2	Trình độ đại học, cao đẳng	09	3,6
3	Trình độ trung cấp	05	2
4	Trình độ sơ cấp	0	0
5	Lao động phổ thông	235	93,6
II	Theo loại hợp đồng lao động	251	100
1	Hợp đồng không thời hạn	161	64,1
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	38	15,1
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	52	20,8

3. Các chính sách đối với người lao động của Công ty.

Chính sách tuyển dụng

Công ty luôn đề cao năng lực của từng người lao động và chào đón những lao động muốn đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty, có kiến thức, năng lực, trình độ chuyên môn cũng như tác phong làm việc cần mẫn, chuyên nghiệp, năng động. Để thu hút người lao động, Công ty có chính sách lương thưởng rõ ràng, hợp lý. Mặt khác, Công ty cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chính sách lương, thưởng

Hiện nay Công ty áp dụng 02 chính sách tiền lương:

+ Đối với lao động trực tiếp: lương khoán theo sản phẩm, tiền lương gắn với kết quả sản xuất, kinh doanh.

+ Đối với lao động gián tiếp: áp dụng theo hình thức lương cơ bản và hệ số lương phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Chính sách thưởng: Hàng năm, Công ty tổ chức đánh giá, xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng phù hợp.

Chính sách đào tạo

CBCNV tuyển dụng sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo về kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao kiến thức, tay nghề nhằm phục vụ cho hoạt động của Công ty.

Chính sách phúc lợi, xã hội

Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định (BHXH, BHYT, BHTN,...).

hàng năm Công ty tổ chức Hội nghị Người lao động để trao đổi thông tin, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người lao động.

Công ty có tổ chức cho CBCNV của Công ty tham quan, nghỉ mát, khám sức khoẻ định kỳ,... Các hoạt động văn thể mỹ cũng được Công ty tổ chức hợp lý nhằm đảm bảo cho CBCNV một môi trường làm việc lành mạnh, văn minh và thoải mái.

Ngoài ra Công ty còn thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và thoả ước lao động tập thể của Công ty (thăm hỏi ốm đau, ma chay ...)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: không có

4. Tình hình tài chính:

Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2021/ Năm 2020 (%)
I	Các chỉ tiêu Bảng cân đối kế toán				
1	Tổng tài sản	trở đồng	162.285,1	152.786,7	94,15
2	Nợ phải trả	trở đồng	43.469,9	22,358,8	51,44
3	Vốn chủ sở hữu	trở đồng	118.815,2	130.427,8	109,77
4	Vốn điều lệ	trở đồng	120.000	120.000	100
II	Chỉ tiêu Báo cáo kết quả kinh doanh	trở đồng			
1	Tổng doanh thu	trở đồng	42.117,9	66.850	158,72
2	Lợi nhuận trước thuế	trở đồng	1.575,5	13.000,29	825,15
3	Lợi nhuận sau thuế	trở đồng	1.575,5	11.808,39	749,5

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	0,69	0,8
	+ Hệ số thanh toán nhanh:			
	(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,45	0,6
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	26,7	14,6
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	36,5	17,1
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
	+ Vòng quay hàng tồn kho:			
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	vòng	5,38	11,5
	+ Vòng quay tổng tài sản			
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	vòng	0,26	0,4
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			

	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,7	19,5
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	1,3	9,05
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,97	7,7
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,70	19,8

5. Cơ cấu cổ đông:

a. Cổ phần:

Vốn điều lệ Công ty: 120.000.000.000 đồng

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu: 12.000.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12.000.000 cổ phiếu

Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

b. cơ cấu cổ đông:

Danh sách chốt tại ngày 11/3/2021.

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
I	Cổ đông trong nước	119	12.000.000	120.000.000.000	100
1	Cổ đông nhà nước	001	10.608.900	106.089.000.000	88.41
2	Cổ đông tổ chức	001	1.000.000	10.000.000.000	8.33
3	Cổ đông cá nhân	117	391.100	3.911.000.000	3.26
II	Cổ đông nước ngoài				
1	Cổ đông tổ chức				
2	Cổ đông cá nhân				
III	Cổ phiếu quỹ				
	Tổng cộng	119	12.000.000	120.000.000.000	100%

III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2021 giá bán BQ cao hơn kế hoạch và giá thành tiêu thụ giảm, dẫn đến kết quả kinh doanh cả năm 2021 công ty lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp là: 11.808,4 tr.đồng.

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	So với KH (%)	So với 2020 (%)
Diện tích khai thác	ha	931,34	934,7	934,7	100	100,36
Sản lượng khai thác	tấn	1.253	1.250	1.314,8	105,2	104,9
Tổng doanh thu	trđ	42.117	68.554	66.850	97,51	158,72
Lợi nhuận trước thuế	trđ	1.575	6.871,5	13.000,3	189,19	825,15
Lợi nhuận sau thuế	trđ	1.575,5		11.808,4		749,5

2. Đánh giá tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Ghi chú
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
I	Tổng tài sản	162.285,1	100	152.783,7	100	
1	Tài sản ngắn hạn	19.130,1	11,7	18.082,9	11,8	
2	Tài sản dài hạn	143.155	88,3	134.703,8	88,2	
II	Nguồn vốn	162.285,1	100	152.786,7	100	
1	Nợ ngắn hạn	27.569,9	16,9	22.358,8	14,6	
2	Nợ dài hạn	15.900	9,8	0	0	
3	Vốn chủ sở hữu	118.815,2	73,3	130.427,9	85,4	

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Năm 2021, dự báo sẽ vẫn là một năm đầy khó khăn, do đại dịch Covid-19, thị trường cao su thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng. Công ty tiếp tục ổn định sản xuất duy trì tốc độ thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, Công ty cổ phần cao su Đồng Phú – Đắk Nông phấn đấu hoàn thành những mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể sau:

Tổ chức khai thác : 934,7 ha cao su; Phấn đấu sản lượng thực hiện > 1.260 tấn, năng suất > 1,35 tấn/ha, Tập trung chỉ đạo khai thác, chăm sóc tốt toàn bộ diện tích vườn cây khai số diện tích rừng khoanh nuôi bảo vệ.

Trong năm xây dựng kế hoạch sửa chữa một số tuyến đường chính, gia cố một số tuyến đường nhánh trong lô cao su tạo điều kiện cho công nhân đi lại vận chuyển mủ cao su đảm bảo an toàn.

Tổ chức tuyển dụng lao động khai thác từ đầu vụ cạo, thay thế số lao động nghỉ việc nhằm đáp ứng đủ nhu cầu lao động trong năm.

Phấn đấu thu nhập bình quân của người lao động đạt trên 8,0 triệu đồng/tháng/người.

Hoàn thành công tác sáp nhập vào Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú (DPR)

Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2021

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện Năm 2021	Kế hoạch Năm 2022	Ghi chú
1	Sản lượng khai thác	tấn	1.319	1.260	
2	Sản lượng thu mua	tấn	302,4	250	
3	Sản lượng tiêu thụ	tấn	1.859	1.510	
4	Giá bán bình quân	trđ/tấn	37,85	37,00	
5	Tổng doanh thu	trđ	66.850	56.020	
6	Lợi nhuận trước thuế	trđ	13.000	6.308	

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Năm 2021 là một năm khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, với nỗ lực phấn đấu của Ban Lãnh đạo cùng toàn bộ công nhân viên và sự hỗ trợ từ Công ty mẹ và Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam cùng các cấp, ban, ngành tại địa phương đã giúp công ty hoàn thành tốt các mục tiêu, kế hoạch đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Căn cứ Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hằng ngày của Công ty.

Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng quy định tại điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty. Do thực hiện đúng quy trình, thủ tục nên việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát nhịp nhàng và hiệu quả. Việc điều hành kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc không bị cản trở, việc giám sát của Hội đồng Quản trị và của Ban Kiểm soát được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty thực hiện đúng các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy tắc tác nghiệp và quản lý. Năm 2021, tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh đều đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện vì vậy kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận năm 2021 của Công ty đều vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Hội đồng Quản trị thực hiện nghiêm túc công việc quản trị Công ty theo đúng các quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ, quy chế Quản trị của Công ty CPCS Đồng Phú Đắk Nông. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên HĐQT theo đúng Điều lệ, quy chế Quản trị của Công ty và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực; tuân thủ

các chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT; luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông công ty.

Hội đồng Quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hội đồng Quản trị hợp tác chặt chẽ với Ban Kiểm soát, đảm bảo cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban Kiểm soát. Hội đồng Quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát và chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban Kiểm soát.

Hoàn tất việc sáp nhập vào Công ty mẹ trong thời gian sớm nhất.

Công ty CP cao su Đồng Phú mong muốn nhận được sự ủng hộ và gắn bó của các Quý cổ đông để cùng vượt qua mọi thách thức và hoàn thành những mục tiêu dài hạn của Công ty.

V. Quản trị Công ty:

V.1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Huỳnh Trọng Thủy	Chủ tịch HĐQT	10/9/2017	
2	Ông Lê Minh Vũ	TV HĐQT	30/06/2017	
3	Ông Đặng Văn Lệ	TV HĐQT độc lập	12/07/2018	
4	Ông Lưu Minh Tuyền	TV HĐQT độc lập	09/10/2017	
5	Ông Phạm Ngọc Huy	TV HĐQT độc lập	30/06/2017	

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Huỳnh Trọng Thủy	4/4	100%	
2	Ông Lê Minh Vũ	4/4	100%	
3	Ông Đặng Văn Lệ	4/4	100%	
4	Ông Lưu Minh Tuyền	4/4	100%	
5	Ông Phạm Ngọc Huy	4/4	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Hàng quý, các thành viên Hội đồng Quản trị công ty được báo cáo về tiến độ sản xuất kinh doanh hàng quý và kế hoạch quý tiếp theo do Tổng Giám đốc trình bày.

Hoạt động giám sát được các thành viên HĐQT thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (nếu có): không có

5. Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị:

STT	Số Nghị quyết; Tỷ lệ thông qua	Ngày/ tháng/ năm;	Nội dung
1	Số 01/NQ-HĐQT Đạt 100%	18/02/2021	<p>I. Thông qua BCTC sau kiểm toán năm 2020 (các chỉ tiêu chính).</p> <ol style="list-style-type: none"> Tổng doanh thu: 42.117.991.667 đồng Tổng chi phí: 40.542.423.254 đồng Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 1.575.568.413 đồng Tổng tài sản: 162.285.193.554 đồng <ul style="list-style-type: none"> Tài sản ngắn hạn: 19.130.131.950 đồng Tài sản dài hạn: 143.155.061.604 đồng Nợ phải trả: 43.469.916.382 đồng <ul style="list-style-type: none"> Nợ ngắn hạn: 27.569.916.382 đồng Nợ dài hạn: 15.900.000.000 đồng Vốn chủ sở hữu: 118.815.277.172 đồng <p>II. Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông dự họp và ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Ngày đăng ký cuối cùng: ngày 11/3/2021 Ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 dự kiến: 08/4/2021 (ngày thứ 5). <p>III. Thống nhất nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> BCTC năm 2020 sau kiểm toán. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 Các báo cáo năm 2020 của: HĐQT, BKS, Ban điều hành Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021 Báo cáo thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 Điều lệ sửa đổi, bổ sung; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS; và các quy định khác theo quy định của pháp luật hiện hành... Bầu bổ sung thành viên HĐQT (thay ông Đặng Văn Lệ TV HĐQT nghỉ hưu theo chế độ vào ngày 01 tháng 7 năm 2021). Biểu quyết sáp nhập Công ty (DPD) vào Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (DPR).
2	Số 04/NQ-HĐQT Đạt 100%	26/4/2021	<p>"Thống nhất gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đắk Nông năm 2021 trước ngày 30 tháng 6 năm 2021" Lý do: Chuẩn bị chu đáo tài liệu theo Thông tư</p>

			116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Sửa đổi và bổ sung: Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty) và Công tác sáp nhập DPD vào Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú.
--	--	--	---

V.2. Hoạt động Ban kiểm soát:

a Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Huỳnh Minh Tâm	Trưởng ban	0.013%	
2	Nguyễn thị Thu Hà	Thành viên	0.0%	
3	Nguyễn khắc Hợi	Thành viên	0.003%	

b. Hoạt động của ban kiểm soát.

Năm 2021 Ban kiểm soát đã tổ chức triển khai hoạt động giám sát theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác tài chính - kế toán; thực hiện thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm của công ty, báo cáo của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

Ban kiểm soát đã giám sát và đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu tài chính, bảo toàn và phát triển vốn; giám sát việc xây dựng và thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, các biện pháp tiết giảm chi phí của công ty.

Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành. Ban kiểm soát đã tổ chức 3 cuộc họp định kỳ, để thông qua kết quả kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, và việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; thảo luận và thống nhất trước khi gửi đến HĐQT và Đại hội đồng cổ đông.

Năm 2021 Công ty đã hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, sản lượng cao su tự khai thác 1.314,8 tấn đạt 105,2% KH, tổng doanh thu: 66,8 tỷ đồng tương ứng 97,5 % KH, lợi nhuận trước thuế 13 tỷ đồng đạt 189,2% KH, lợi nhuận sau thuế: 11,8 tỷ đạt 214,8% KH.

V.3. Ban điều hành:

STT	Thành viên ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên điều hành
1	Ông Lê Minh Vũ	15/01/1979	Thạc sĩ Nông Nghiệp	01/08/2017

V.4. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Nguyễn Hữu Việt	20/06/1986	Thạc sĩ kinh tế	01/10/2018

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của các thành viên quản lí chủ chốt:

Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao năm 2020 (đồng)	Thù lao năm 2021 (đồng)	Ghi chú
1	Ông Huỳnh Trọng Thủy	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	24.000.000	
2	Ông Lê Minh Vũ	TV HĐQT	12.000.000	12.000.000	
3	Ông Lưu Minh Tuyên	TV HĐQT	12.000.000	12.000.000	
4	Ông Phạm Ngọc Huy	TV HĐQT	12.000.000	12.000.000	
5	Ông Đặng Văn Lệ	TV HĐQT	12.000.000	12.000.000	
	CÔNG:		72.000.000	72.000.000	

Ban Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát và kế toán trưởng:

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 (đồng)	Năm 2021 (đồng)	Ghi chú
1	Ông Lê Minh Vũ	Tổng Giám đốc	252.000.000	331.200.000	Tiền lương
2	Ông Huỳnh Minh Tâm	Trưởng BKS	18.000.000	18.000.000	Phụ cấp
3	Ông Nguyễn Hữu Việt	Kế toán trưởng	204.000.000	273.600.000	Tiền lương
	CÔNG:		474.000.000	622.800.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ: không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Công ty CP Cao su Đồng Phú	Gia công mủ cao su	14.141.772.680 đồng
Viện nghiên cứu cao su Việt Nam	Mua thuốc kích thích	61.765.200 đồng

VI. Phát triển bền vững.

Đối với nhân sự

Công ty coi nhân sự là yếu tố then chốt, quyết định đến thành bại của hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, thời gian tới Công ty có những phương hướng sau:

Tập trung tuyển dụng những nhân sự có chất lượng;

Chú trọng đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Xây dựng chính sách lương – thưởng cạnh tranh và hợp lý để thu hút và giữ chân cán bộ công nhân viên.

Chăm lo toàn diện đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên.

Tạo dựng văn hoá doanh nghiệp cởi mở, hoà đồng và giàu tính nhân văn

Đối với cộng đồng xã hội

Góp phần mang tới giá trị ngày càng cao và bền vững cho địa phương.

Chia sẻ các giá trị tốt đẹp cho xã hội.

Đối với môi trường

Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về môi trường.

Sử dụng tiết kiệm năng lượng, hạn chế các ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến môi trường.

Phát triển nhân sự

Chương trình đào tạo chế độ an toàn VSLĐ, BHXH – BHYT – BHTN

Tham gia các chương trình đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho các cán bộ quản lý

Chính sách phúc lợi

Hàng năm Công ty có chính sách khen thưởng trong các dịp lễ tết, tổ chức cho CBCNV của Công ty tham quan, nghỉ mát.

VII. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 (đính kèm)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CÔNG TY
CÓ PHẦN
CÁC DỊCH VỤ
NÔNG NGHIỆP
ĐÔNG PHƯƠNG
ĐẮK NÔNG

Huỳnh Trọng Thủy

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ –
ĐẮK NÔNG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Đắk Nông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Đắk Nông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6400052980, đăng ký lần đầu ngày 24/07/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/11/2017 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp.

- Trụ sở chính : Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Huỳnh Trọng Thủy	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Huy	Thành viên
Ông Lê Minh Vũ	Thành viên
Ông Đặng Văn Lệ	Thành viên
Ông Lưu Minh Tuyển	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Huỳnh Minh Tâm	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hợi	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Minh Vũ	Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau: Ông Huỳnh Trọng Thủy – Chủ tịch Hội đồng Quản trị (sinh ngày 19/04/1968; Dân tộc Kinh, Quốc tịch Việt Nam; Chứng minh nhân dân số 285168658 do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/07/2017; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Chỗ ở hiện tại: Phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm theo.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

6. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Minh Vũ

Tổng Giám đốc

Đắk Nông, Việt Nam

Ngày 22 tháng 02 năm 2022



Số: 057/2022/BCKT-PB.00323

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Đắc Nông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Đắc Nông (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về thông tin liên quan đến việc tái cơ cấu Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Đắc Nông được trình bày tại mục 10.4 trên Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.



A blue ink signature of Đặng Ngọc Khánh.

LÊ VIẾT CƯỜNG

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 2478 - 2018 - 009 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
- CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 02 năm 2022

ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 2505 - 2019 - 009 - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.082.860.186	19.130.131.950
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.1	9.422.827.504	7.851.267.686
1. Tiền	111		9.422.827.504	7.851.267.686
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.976.368	217.293.273
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.2	-	30.000.000
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	6.3	86.976.368	187.293.273
IV. Hàng tồn kho	140	6.4	4.173.056.314	6.661.570.991
1. Hàng tồn kho	141		4.173.056.314	6.661.570.991
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.400.000.000	4.400.000.000
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	6.6	4.400.000.000	4.400.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		134.703.844.050	143.155.061.604
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		132.092.165.055	139.659.271.504
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.6	131.306.280.852	138.844.896.025
- Nguyên giá	222		167.767.912.785	167.226.471.042
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.461.631.933)	(28.381.575.017)
2. Tài sản cố định vô hình	227	6.7	785.884.203	814.375.479
- Nguyên giá	228		997.194.500	997.194.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(211.310.297)	(182.819.021)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	6.8	2.544.283.516	3.153.326.170
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		2.544.283.516	2.407.140.916
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	746.185.254
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		67.395.479	342.463.930
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.9	67.395.479	342.463.930
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		152.786.704.236	162.285.193.554

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

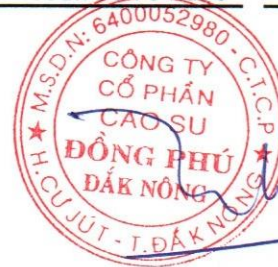
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		22.358.828.463	43.469.916.382
I. Nợ ngắn hạn	310		22.358.828.463	27.569.916.382
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.10	-	15.228.460
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6.11	402.721.200	1.977.915.856
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.6	1.344.672.452	609.902.926
4. Phải trả người lao động	314		5.211.839.581	2.825.332.426
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	6.12	35.232.877	102.758.862
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.13	2.734.209.135	2.945.342.384
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	6.14	12.000.000.000	18.100.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		630.153.218	993.435.468
II. Nợ dài hạn	330		-	15.900.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	6.14	-	15.900.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		130.427.875.773	118.815.277.172
I. Vốn chủ sở hữu	410	6.16	130.460.920.767	118.652.525.969
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.460.920.767	(1.347.474.031)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.347.474.031)	(2.923.042.444)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.808.394.798	1.575.568.413
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(33.044.994)	162.751.203
1. Nguồn kinh phí	431	6.16	(33.044.994)	162.751.203
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		152.786.704.236	162.285.193.554



Người lập biểu
Nguyễn Thị Hiếu
Đắk Nông, Việt Nam
Ngày 22 tháng 02 năm 2022



Kế toán trưởng
Nguyễn Hữu Việt



Tổng Giám đốc
Lê Minh Vũ

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 02 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.1	66.552.289.694	41.708.462.400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		66.552.289.694	41.708.462.400
4. Giá vốn hàng bán	11	7.2	47.990.834.598	34.753.830.177
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		18.561.455.096	6.954.632.223
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.3	195.292.622	124.199.337
7. Chi phí tài chính	22	7.4	1.668.676.022	2.325.939.122
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.668.676.022	2.325.939.122
8. Chi phí bán hàng	25	7.5	15.950.136	16.920.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.7	3.877.811.043	3.181.840.511
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		13.194.310.517	1.554.131.927
11. Thu nhập khác	31	7.7	102.898.623	285.329.930
12. Chi phí khác	32	7.8	296.918.311	263.893.444
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(194.019.688)	21.436.486
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.000.290.829	1.575.568.413
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.9	1.191.896.031	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		11.808.394.798	1.575.568.413
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	7.10	984	131
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	7.10	984	131



Người lập biểu

Nguyễn Thị Hiếu

Đắk Nông, Việt Nam

Ngày 22 tháng 02 năm 2022



Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Việt




Tổng Giám đốc

Lê Minh Vũ

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 03 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	68.407.531.803	45.701.182.986
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(20.592.157.388)	(16.149.350.517)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.654.538.445)	(17.286.498.263)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.909.570.007)	(2.339.427.977)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(707.775.859)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.509.434.184	6.565.589.588
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(7.676.657.092)	(9.184.397.258)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.376.267.196	7.307.098.559
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(78.770.829)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(56.700.000.000)	-
3. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	56.700.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	195.292.622	130.007.556
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	195.292.622	51.236.727
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	12.000.000.000	11.100.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(34.000.000.000)	(17.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(22.000.000.000)	(6.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.571.559.818	1.358.335.286
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.851.267.686	6.492.932.400
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	9.422.827.504	7.851.267.686



Người lập biểu
Nguyễn Thị Hiếu

Đắk Nông, Việt Nam

Ngày 22 tháng 02 năm 2022



Kê toán trưởng
Nguyễn Hữu Việt



Tổng Giám đốc
Lê Minh Vũ

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Đắk Nông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6400052980, đăng ký lần đầu ngày 24/07/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/11/2017 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 VND (Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn). Tổng số cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 12.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là Trồng và kinh doanh cao su.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Chăn nuôi trâu bò;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Chế biến mủ cao su; Bán buôn mủ cao su; Mua, bán: phân bón; Bán buôn phân bón);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua, bán: gỗ cây và gỗ chế biến; Mua, bán gỗ từ cây cao su; Mua, bán gỗ cây và gỗ chế biến);
- Chăn nuôi dê, cừu.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

1.6 Lao động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 250 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 192 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính và kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - (i) 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - (ii) 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - (iii) 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - (iv) 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC-TCĐN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính về việc Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ - CSVN ngày 27/4/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm; cụ thể như sau:

<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>	<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>
Năm thứ 1	2,50	Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 2	2,80	Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 3	3,50	Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 4	4,40	Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 5	4,80	Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 6	5,40	Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 7	5,40	Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 8	5,10	Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 9	5,10	Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 10	5,00		

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.

Mức khấu hao cho năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định vô hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	35

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực này bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

4.14 Giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.15 Chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của Báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	6.237.438	22.922.557
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.416.590.066	7.828.345.129
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	9.422.827.504	7.851.267.686

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	-	30.000.000
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Phú An Viên	-	30.000.000
Cộng	-	30.000.000

6.3 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	86.976.368	-	187.293.273	-
Các khoản tạm ứng	86.976.368	-	182.413.273	-
Phải thu khác	-	-	4.880.000	-
Cộng	86.976.368	-	187.293.273	-

6.4 Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	68.685.920	-	41.860.026	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	198.579.472	-	157.656.412	-
Chi phí SXKD dở dang	199.148.001	-	4.875.661.123	-
Thành phẩm tồn kho	3.706.642.921	-	1.586.393.430	-
Cộng	4.173.056.314	-	6.661.570.991	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG
 Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

6.5 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2021		Phát sinh trong kỳ		31/12/2021	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	598.515.330	-	2.325.144.603	2.068.357.653	855.302.280	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.191.896.031	707.775.859	484.120.172	-
Thuế thu nhập cá nhân	11.387.596	-	12.600.000	18.737.596	5.250.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	4.400.000.000	-	-	-	4.400.000.000
Cộng	609.902.926	4.400.000.000	3.529.640.634	2.794.871.108	1.344.672.452	4.400.000.000

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 5%, hàng hóa và dịch vụ khác là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ các quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2019 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính, Văn bản số 2821/TCT-DNL ngày 19/07/2018 và Văn bản số 3941/TCT-DNL ngày 15/10/2018 của Tổng Cục Thuế về việc ưu đãi thuế suất đối với hoạt động chế biến nông sản, theo đó:

- Công ty có phát sinh thu nhập từ hoạt động trồng trọt, khai thác mủ cao su tươi thì phần thu nhập này được hưởng ưu đãi thuế TNDN;
- Công ty có phát sinh thu nhập của hoạt động sơ chế hoặc gia công sơ chế mủ cao su (bao gồm cả tự trồng và thu mua của tiểu điền) thành các sản phẩm được xác định là mủ cao su sơ chế theo hướng dẫn tại Công văn số 7193/BTC-TCT ngày 30/04/2014 của Bộ Tài Chính thì khoản thu nhập này không thuộc diện được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chế biến nông sản;
- Công ty có phát sinh thu nhập từ hoạt động thu mua mủ cao su về để bán thì thu nhập từ hoạt động này không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% cho địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ – ĐÁK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

6.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Vườn cây kinh doanh VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 01/01/2021	12.018.736.559	717.353.650	31.545.455	154.458.835.378	167.226.471.042
- Đầu tư XDCB hoàn thành				541.441.743	541.441.743
Số dư tại ngày 31/12/2021	12.018.736.559	717.353.650	31.545.455	155.000.277.121	167.767.912.785
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2021	9.182.048.891	509.383.686	10.515.160	18.679.627.280	28.381.575.017
- Khấu hao trong kỳ	816.618.526	55.904.313	6.309.096	7.201.224.981	8.080.056.916
Số dư tại ngày 31/12/2021	9.998.667.417	565.287.999	16.824.256	25.880.852.261	36.461.631.933
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2021	2.836.687.668	207.969.964	21.030.295	135.779.208.098	138.844.896.025
- Tại ngày 31/12/2021	2.020.069.142	152.065.651	14.721.199	129.119.424.860	131.306.280.852
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
- Tại ngày 01/01/2021	6.005.744.852	270.660.000	-	-	6.276.404.852
- Tại ngày 31/12/2021	6.039.744.833	338.595.000	-	-	6.378.339.833

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

6.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 01/01/2021	997.194.500	997.194.500
- Mua trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	997.194.500	997.194.500
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 01/01/2021	182.819.021	182.819.021
- Khấu hao trong kỳ	28.491.276	28.491.276
Số dư tại ngày 31/12/2021	211.310.297	211.310.297
Giá trị còn lại		
- Tại ngày 01/01/2021	814.375.479	814.375.479
- Tại ngày 31/12/2021	785.884.203	785.884.203

6.8 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	2.544.283.516	2.407.140.916
Chi phí trồng rừng	2.544.283.516	2.407.140.916
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	746.185.254
Vườn cây cao su trồng năm 2012	-	376.156.361
Chi phí khảo sát Nhà máy chế biến mủ cao su	-	115.970.001
Chi phí đền bù giải toả	-	89.619.424
Chi phí trồng tầm vông	-	88.773.510
Chi phí lãi vay dự án trồng cao su	-	75.665.958
Cộng	2.544.283.516	3.153.326.170

6.9 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí sửa chữa	67.395.479	342.463.930
Cộng	67.395.479	342.463.930

6.10 Phải người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	-	-	15.228.460	15.228.460
Công ty TNHH TM-DV-VT Thanh Sơn 68	-	-	15.228.460	15.228.460
Cộng	-	-	15.228.460	15.228.460

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Júit, tỉnh Đắk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

6.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	402.721.200	1.977.915.856
Công ty TNHH Ngô Vương	402.721.200	227.915.856
Công ty TNHH Minh Thy Vàng	-	1.750.000.000
Cộng	402.721.200	1.977.915.856

6.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	6.864.877	72.758.862
Chi phí khác	28.368.000	30.000.000
Cộng	35.232.877	102.758.862

6.13 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	2.734.209.135	2.945.342.384
Kinh phí công đoàn	202.892.109	202.891.708
Phải trả phải nộp trồng rừng	2.517.682.639	2.517.682.639
Các khoản phải trả khác	13.634.387	224.768.037
Cộng	2.734.209.135	2.945.342.384

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG
Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

6.14 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

6.15.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
Vay ngắn hạn	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	11.100.000.000	11.100.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Phước (i)	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	11.100.000.000	11.100.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Đắk Lắk	-	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	18.100.000.000	18.100.000.000

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn

(i) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 28A20/KHBB ngày 12/08/2020 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước và Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú Đắk Nông:

- Hạn mức cho vay: 20.000.000.000 VND (Hai mươi tỉ đồng);
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: Được xác định theo từng thời điểm của từng giấy nhận nợ;
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
- Biện pháp đảm bảo khoản vay: Đảm bảo bằng khoản tiền gửi của công ty và/hoặc bên thứ 3 tại ngân hàng với tỷ lệ tối thiểu bằng 100% khoản nợ tại mọi thời điểm;
- Số dư khoản vay tại ngày 31/12/2021: 12.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

6.14.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	-	-	-	15.900.000.000	15.900.000.000	15.900.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt	-	-	-	-	-	-
Nam - CN Đắk Lắk	-	-	-	15.900.000.000	15.900.000.000	15.900.000.000
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	15.900.000.000	15.900.000.000	15.900.000.000

Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

6.15 Vốn chủ sở hữu**6.15.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	VND	VND	VND
<i>Năm trước</i>			
Số dư tại ngày 01/01/2020	120.000.000.000	(2.923.042.444)	117.076.957.556
Tăng trong năm trước	-	1.575.568.413	1.575.568.413
Lãi trong năm trước	-	1.575.568.413	1.575.568.413
Giảm trong năm trước	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	120.000.000.000	(1.347.474.031)	118.652.525.969
<i>Năm nay</i>			
Số dư tại ngày 01/01/2021	120.000.000.000	(1.347.474.031)	118.652.525.969
Tăng trong năm	-	11.808.394.798	11.808.394.798
Lãi trong năm	-	11.808.394.798	11.808.394.798
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	120.000.000.000	10.460.920.767	130.460.920.767

6.15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	106.089.000.000	106.089.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ đông khác	3.911.000.000	3.911.000.000
Cộng	120.000.000.000	120.000.000.000

6.15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN**6.15.4 Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua, bán lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

6.16 Nguồn kinh phí

	Năm 2021	Năm 2020
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguồn kinh phí đầu năm	162.751.203	(1.075.248.797)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	2.162.160.330	1.238.000.000
Chi sự nghiệp trong năm	(2.357.956.527)	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	(33.044.994)	162.751.203

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**7.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021	Năm 2020
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu bán mũ cao su	54.996.577.694	31.550.198.400
Doanh thu bán hàng hoá	11.555.712.000	10.158.264.000
Cộng	66.552.289.694	41.708.462.400

7.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Giá vốn mũ cao su	36.435.122.598	24.595.566.177
Giá vốn hàng hoá	11.555.712.000	10.158.264.000
Cộng	47.990.834.598	34.753.830.177

7.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	195.292.622	124.199.337
Cộng	195.292.622	124.199.337

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

7.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.668.676.022	2.325.939.122
Cộng	1.668.676.022	2.325.939.122

7.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí khác bằng tiền	15.950.136	16.920.000
Cộng	15.950.136	16.920.000

7.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.336.714.564	2.100.010.787
Chi phí vật liệu quản lý	155.787.203	169.449.280
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.132.776	109.132.776
Chi phí - Thuế, phí và lệ phí	44.296.141	39.228.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	584.089.846	354.884.423
Chi phí bằng tiền khác	647.790.513	409.135.178
Cộng	3.877.811.043	3.181.840.511

7.7 Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ bán cây trà	-	182.706.100
Thu nhập từ bán cây tầm vông	2.970.000	-
Thu nhập từ gia công pallet	90.774.800	93.302.400
Thu nhập khác	9.153.823	9.321.430
Cộng	102.898.623	285.329.930

7.8 Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí bán cây trà	-	161.269.614
Chi phí bán cây tầm vông	88.773.510	-
Chi phí gia công pallet	90.774.800	93.302.400
Chi phí khác	117.370.001	9.321.430
Cộng	296.918.311	263.893.444

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

7.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành**6.9. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.000.290.829	1.575.568.413
- Các khoản điều chỉnh tăng khi tính thuế	266.143.511	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(1.347.474.031)	(2.923.042.444)
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	11.918.960.309	(1.347.474.031)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	1.191.896.031	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
- Truy thu thuế/điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	-

7.10 Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.808.394.798	1.575.568.413
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.808.394.798	1.575.568.413
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	984	131
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	984	131

7.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.273.185.726	1.332.590.553
Chi phí nhân công	21.852.669.219	19.336.212.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.023.555.782	6.960.486.576
Thuế, phí và lệ phí	44.296.141	39.228.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.535.032.573	1.315.876.289
Chi phí khác bằng tiền	956.153.758	1.160.135.968
Cộng	33.684.893.199	30.144.530.293

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

8. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**8.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	12.000.000.000	11.100.000.000
Cộng	12.000.000.000	11.100.000.000

8.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	34.000.000.000	17.100.000.000
Cộng	34.000.000.000	17.100.000.000

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Các loại công cụ tài chính của Công ty :

A. Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách			
	01/01/2021		31/12/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và tương đương tiền	7.851.267.686	-	9.422.827.504	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	187.293.273	-	86.976.368	-
Cộng	8.038.560.959	-	9.509.803.872	-

B. Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách	
	01/01/2021 VND	31/12/2021 VND
Phải trả người bán, phải trả khác	2.960.570.844	2.734.209.135
Chi phí phải trả	102.758.862	35.232.877
Vay và nợ	34.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	37.063.329.706	14.769.442.012

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Tại ngày 01/01/2021	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và tương đương tiền	7.851.267.686	-	-	7.851.267.686
Phải thu khách hàng, phải thu khác	187.293.273	-	-	187.293.273
Cộng	8.038.560.959	-	-	8.038.560.959

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

Tại ngày 31/12/2021	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và tương đương tiền	9.422.827.504	-	-	9.422.827.504
Phải thu khách hàng, phải thu khác	86.976.368	-	-	86.976.368
Cộng	9.509.803.872	-	-	9.509.803.872

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Tại ngày 01/01/2021	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán, phải trả khác	2.960.570.844	-	-	2.960.570.844
Chi phí phải trả	102.758.862	-	-	102.758.862
Vay và nợ	18.100.000.000	15.900.000.000	-	34.000.000.000
Cộng	21.163.329.706	15.900.000.000	-	37.063.329.706

Tại ngày 31/12/2021	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán, phải trả khác	2.734.209.135	-	-	2.734.209.135
Chi phí phải trả	35.232.877	-	-	35.232.877
Vay và nợ	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
Cộng	14.769.442.012	-	-	14.769.442.012

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC**10.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

10.1.1. Danh sách các bên liên quan của Công ty

<u>Bên liên quan</u>	<u>Địa điểm</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	Bình Phước	Công ty mẹ
Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị sự nghiệp cùng tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

10.1.2. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2021		Năm 2020	
	Tiền thù lao VND	Tiền thưởng VND	Tiền thù lao VND	Tiền thưởng VND
Hội đồng Quản trị				
Huyền Trọng Thủy	24.000.000	-	24.000.000	-
Phạm Ngọc Huy	12.000.000	-	12.000.000	-
Lê Minh Vũ	12.000.000	-	12.000.000	-
Đặng Văn Lệ	12.000.000	-	12.000.000	-
Lưu Minh Tuyền	12.000.000	-	12.000.000	-
Tổng cộng	72.000.000	-	72.000.000	72.000.000

	Năm 2021		Năm 2020	
	Tiền tương VND	Tiền thưởng VND	Tiền tương VND	Tiền thưởng VND
Ban Tổng Giám đốc, Trưởng BKS và Kế toán trưởng				
Lê Minh Vũ	331.200.000	-	252.000.000	-
Nguyễn Hữu Việt	273.600.000	-	204.000.000	-
Huyền Minh Tâm	18.000.000	-	18.000.000	-
Tổng cộng	622.800.000	-	474.000.000	474.000.000

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

10.1.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan*Giao dịch với các bên liên quan*

Mua hàng hóa dịch vụ của các bên liên quan	Năm 2021	Năm 2020
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty CP Cao su Đồng Phú - Gia công mũ cao su	14.141.772.680	452.022.795
Viện nghiên cứu cao su Việt Nam - Mua thuốc kích thích	61.765.200	-
Cộng	14.203.537.880	452.022.795

Giao dịch khác	Năm 2021	Năm 2020
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Nhận tiền khen thưởng	1.820.842.000	2.183.408.000
Cộng	1.820.842.000	2.183.408.000

Công nợ với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan khác.

10.2 Thông tin về bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

10.3 Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

10.4 Thông tin về hoạt động của doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Đắk Nông được chấp thuận đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UpCOM theo Quyết định số 774/QĐ-SGDHN ngày 30/12/2020 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Đắk Nông với mã chứng khoán DPD. Theo Thông báo số 76/TB-SGDHN ngày 13/01/2021 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, ngày giao dịch đầu tiên của chứng khoán DPD là ngày 20/01/2021, số lượng đăng ký giao dịch là 12.000.000 cổ phiếu (Mười hai triệu cổ phiếu), mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Nghị quyết số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/06/2021 của Đại hội đồng cổ đông – Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Đắk Nông đã thông qua "Phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Đắk

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ – ĐẮK NÔNG

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

Nông vào Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú”, thông qua “Phương án hoán đổi cổ phiếu để sáp nhập Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Đắk Nông vào Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú” và thông qua “Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh sau sáp nhập”. Theo Nghị quyết nêu trên, Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Đắk Nông sẽ tiến hành hoán đổi cổ phần để sáp nhập vào Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú theo lộ trình và quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

10.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

10.6 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Đắk Nông đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.



Người lập biểu
Nguyễn Thị Hiếu
Đắk Nông, Việt Nam
Ngày 22 tháng 02 năm 2022



Kế toán trưởng
Nguyễn Hữu Việt



Tổng Giám đốc
Lê Minh Vũ